BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2022 - 2023

Hệ đào tạo: Đại học
Ngành: Thương mại điện tử

Loại đào tạo: Chính quy
Chuyên ngành: Thương mại điện tử

STT	Mã môn học	Tên môn học	Tên tiếng Anh	Mã học phần	Số tín chỉ	Mã tự quản	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Nhóm tự chọn	Số tín chỉ bắt buộc của nhóm	TL/BTL	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	GK	TH	Thi cuối kỳ	Ghi chú
Học kỳ 1					**11**											
Học phần bắt buộc					**11**											
1	000245	Chứng chỉ tin học	Certificate of Informatics	4203000245	0(0, 0, 0)	2199406					0	0				Import
2	003192	Kỹ năng làm việc nhóm *	Teamwork Skills	4203003192	2(1,2,4)	2132001					30	0				Import
3	003242	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 1	National Defence Education and Security 1	4203003242	4(4, 0, 8)	2120501					60	0				Import
4	003259	Toán cao cấp 1	Calculus 1	4203003259	2(2,0,4)	2113431					30	0				Import
5	003307	Giáo dục thể chất 1	Physical Education 1	4203003307	2(0,4,4)	2120405					0	60				Import
6	014164	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	4203014164	3(3,0,6)	2112012					45	0				
7	014165	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	4203014165	2(2,0,4)	2112013					30	0				
8	015216	Chứng chỉ Tiếng Anh	Certificate of English Language Proficiency	4203015216	0(0,0,0)	2199451					0	0				
9	015841	Nhập môn chuyên ngành Thương mại điện tử	Introduction to E-Commerce major	4203015841	2(2,0,4)	2110628					30	0				
Học kỳ 2					**15**											
Học phần bắt buộc					**12**											
1	002422	Pháp luật đại cương	General Laws	4203002422	2(2, 0, 4)	2131472					30	0				Import
2	003217	Quản trị học *	Fundamentals of Management	4203003217	3(2,2,6)	2107483					45	0				Import
3	003288	Toán cao cấp 2	Calculus 2	4203003288	2(2,0,4)	2113432					30	0				Import
4	003306	Giáo dục thể chất 2	Physical Education 2	4203003306	2(0, 4, 4)	2120406	003307(a)				0	60				Import
5	003354	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2	National Defence Education and Security 2	4203003354	4(2, 4, 8)	2120502	003242(a)				30	60				Import
6	003867	Nguyên lý TMDT	Principles of E-Commerce	4203003867	3(2, 2, 6)	2110522					30	30				Import
7	014167	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	4203014167	2(2,0,4)	2112014	014164(a) 014165(a)				30	0				
8	015253	Tiếng Anh 1	English 1	4203015253	3(3,0,6)	2111108					45	0				
Học phần tự chọn					**3**											
1	003193	Toán ứng dụng	Applied Mathematics	4203003193	3(3,0,6)	2113434		1	3		45	0				Import
2	003240	Hàm phức và phép biến đổi Laplace	Complex Analysis and Laplace Transform	4203003240	3(3,0,6)	2113436		1	3		45	0				Import
3	003320	Phương pháp tính	Numerical Analysis	4203003320	3(3,0,6)	2113435		1	3		45	0				Import
4	003345	Vật lý đại cương	General Physics	4203003345	3(3,0,6)	2113437		1	3		45	0				Import
5	003395	Logic học	Logics	4203003395	3(3,0,6)	2113438		1	3		45	0				Import
Học kỳ 3					**18**											
Học phần bắt buộc					**15**											
1	000664	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	4203000664	2(2, 0, 4)	2112005	014164(a) 014165(a) 014167(a)				30	0				Import
2	001275	Marketing căn bản	Principles of Marketing	4203001275	3(3, 0, 6)	2107405					45	0				Import
3	003572	Thuật ngữ Thương mại điện tử *	English for E-commerce	4203003572	3(2,2,6)	2110591	003867(a)				45	0				Import
4	003848	Nhập môn Lập trình	Programming Fundamentals	4203003848	2(0, 4, 4)	2101622					0	60				Import
5	014169	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	4203014169	2(2,0,4)	2112015	014164(a)				30	0				
6	015254	Tiếng Anh 2	English 2	4203015254	3(3,0,6)	2111188	015253(a)				45	0				
7	015669	Kinh tế học	Economics	4203015669	3(3,0,6)	2107562					45	0				

STT	Mã môn học	Tên môn học	Tên tiếng Anh	Mã học phần	Số tín chỉ	Mã tự quản	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Nhóm tự chọn	Số tín chỉ bắt buộc của nhóm	TL/BTL	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	GK	TH	Thi cuối kỳ	Ghi chú
Học phần tự chọn					**3**											
1	003194	Hội họa *	Fine Art	4203003194	3(1,4,6)	2106529		1	3		45	0				Import
2	003195	Xã hội học	Sociology	4203003195	3(3,0,6)	2113439		1	3		45	0				Import
3	003203	Âm nhạc – Nhạc lý và Guitar căn bản *	Music - Music Theory and Guitar Basics	4203003203	3(1,4,6)	2112011		1	3		45	0				Import
4	003206	Môi trường và con người *	Environment and Human	4203003206	3(2,2,6)	2123800		1	3		45	0				Import
5	003245	Tiếng Việt thực hành *	Vietnamese Language in Use	4203003245	3(2,2,6)	2111492		1	3		45	0				Import
6	003325	Tâm lý học đại cương *	Psychology	4203003325	3(2,2,6)	2110585		1	3		45	0				Import
7	010665	Cơ sở văn hóa Việt Nam *	Introduction to Vietnamese Culture	4203010665	3(2,2,6)	2111491		1	3		45	0				
8	014193	Kỹ năng sử dụng bàn phím và thiết bị văn phòng	Using keyboard and office equipment skills	4203014193	3(2,2,6)	2101727		1	3		30	30				
Học kỳ 4					**21**											
Học phần bắt buộc					**18**											
1	000999	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	4203000999	3(3, 0, 6)	2127402					45	0				Import
2	003480	Kỹ năng giao tiếp *	Communication Skills	4203003480	3(2,2,6)	2110508					45	0				Import
3	003636	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	4203003636	3(3, 0, 6)	2108456					45	0				Import
4	003685	Đồ họa ứng dụng	Applied Graphics	4203003685	3(2, 2, 6)	2110545					30	30				Import
5	003916	Cơ sở dữ liệu	Database system	4203003916	3(2, 2, 6)	2110541					30	30				Import
6	015842	Marketing số	Digital Marketing	4203015842	3(2,2,6)	2110621	001275(a)				30	30				
Học phần tự chọn					**3**											
1	002797	Marketing quốc tế	International Marketing	4203002797	3(3, 0, 6)	2107474		1	3		45	0				Import
2	003478	Nghệ thuật lãnh đạo *	Leadership	4203003478	3(2,2,6)	2107511		1	3		45	0				Import
3	004088	Ý tưởng khởi nghiệp *	Ideas for Start-up	4203004088	3(2,2,6)	2107515		1	3		45	0				Import
4	004106	Quản trị bán lẻ *	Retail Management	4203004106	3(2,2,6)	2107516		1	3		45	0				Import
5	014210	Marketing khách hàng tổ chức *	Business-to-Business Marketing	4203014210	3(2,2,6)	2107532		1	3		45	0				
6	015672	Quản trị khởi nghiệp *	Startup Management	4203015672	3(2,2,6)	2107560		1	3		45	0				
7	015673	Khởi sự kinh doanh *	Entrepreneurship	4203015673	3(2,2,6)	2107561		1	3		45	0				
Học kỳ 5					**20**											
Học phần bắt buộc					**11**											
1	002145	Hệ thống và Công nghệ Web	Web systems and technologies	4203002145	3(2, 2, 6)	2101551					30	30				Import
2	002625	Hệ thống thông tin quản lý	Management Information Systems	4203002625	3(3, 0, 6)	2101595					45	0				Import
3	002889	Thực tập doanh nghiệp 1	Internship 1	4203002889	2(0, 4, 4)	2110467					0	60				Import
4	003393	Luật Kinh doanh *	Business Law	4203003393	3(2,2,6)	2131510					45	0				Import
Học phần tự chọn					**9**											
1	003461	Văn hóa đa quốc gia *	Multination Cultures	4203003461	3(2,2,6)	2110548		3	3		45	0				Import
2	003484	Thị trường chứng khoán *	Stock Exchange	4203003484	3(2,2,6)	2108455		1	3		45	0				Import
3	003555	Kiểm soát nội bộ *	Internal control	4203003555	3(2,2,6)	2127484		2	3		45	0				Import
4	003587	Kỹ năng hoạt náo *	Cheerleading skills	4203003587	3(2,2,6)	2110510		3	3		45	0				Import
5	003980	Đầu tư và kinh doanh bất động sản *	Real easte investment and business	4203003980	3(2,2,6)	2108452		1	3		45	0				Import
6	004043	Thị trường tài chính và các định chế tài chính *	Financial Markets and Institutions	4203004043	3(2,2,6)	2108458		1	3		45	0				Import
7	015134	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế *	Negotiation in International Business	4203015134	3(2,2,6)	2110574		3	3		45	0				
8	015671	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa *	Accounting for Small and Medium Enterprises	4203015671	3(2,2,6)	2127620		2	3		45	0				
9	015713	Kế toán ngân hàng *	Bank Accounting	4203015713	3(2,2,6)	2127648		2	3		45	0				
10	015714	Kế toán thương mại và dịch vụ *	Trading and Service Accounting	4203015714	3(2,2,6)	2127649		2	3		45	0				
11	015715	Kế toán hành chính sự nghiệp *	Governmental and Nonprofit Accounting	4203015715	3(2,2,6)	2127654		1	3		45	0				
Học kỳ 6					**22**											
Học phần bắt buộc					**16**											

STT	Mã môn học	Tên môn học	Tên tiếng Anh	Mã học phần	Số tín chỉ	Mã tự quản	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Nhóm tự chọn	Số tín chỉ bắt buộc của nhóm	TL/BTL	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	GK	TH	Thi cuối kỳ	Ghi chú
1	002692	Quản trị tác nghiệp Thương mại điện tử	E- Commerce Operations Management	4203002692	3(3, 0, 6)	2110430					45	0				Import
2	003198	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Research Methodology	4203003198	2(2,0,4)	2113433					30	0				Import
3	003753	Phân tích thiết kế hệ thống	System Analysis and Design	4203003753	3(2, 2, 6)	2101625					30	30				Import
4	003781	Xây dựng dự án TMĐT	E-Commerce Project Establishment	4203003781	2(0, 4, 4)	2110523					0	60				Import
5	015676	Nghiên cứu thị trường	Market Research	4203015676	3(3,0,6)	2110570					45	0				
6	015843	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Business Data Analysis	4203015843	3(2,2,6)	2110622					30	30				
Học phần tự chọn					**6**											
1	001295	Quản trị nguồn nhân lực	Human Resource Management	4203001295	3(3, 0, 6)	2107420	003217(a)	2	3		45	0				Import
2	003591	Lập trình hướng đối tượng	Object Oriented Programming	4203003591	3(2, 2, 6)	2101623	003848(a)	2	3		30	30				Import
3	015844	Phát triển hệ thống Web Thương mại điện tử	E-Commerce Website System Development	4203015844	3(2,2,6)	2110630	001000(a)	1	3		30	30				
4	015845	Bảo mật Thương mại điện tử *	E-Commerce Security	4203015845	3(2,2,6)	2110629	003916(a)	1	3		45	0				
5	015846	Marketing số nâng cao	Advanced Digital Marketing	4203015846	3(2,2,6)	2110623	015842(a)	1	3		30	30				
6	015847	Quản lý quan hệ khách hàng điện tử *	E-Customer Relationship Management	4203015847	3(2,2,6)	2110624		1	3		45	0				
7	015848	Ứng dụng Python để giải quyết vấn đề	Python application for solving problem	4203015848	3(2,2,6)	2110631	003848(a)	2	3		30	30				
8	015849	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	Electronic Business Strategy Management	4203015849	3(3,0,6)	2110625		2	3		45	0				
Học kỳ 7					**14**											
Học phần bắt buộc					**8**											
1	002890	Thực tập doanh nghiệp 2	Internship 2	4203002890	3(0, 6, 6)	2110468	002889(a)				0	90				Import
2	003181	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	4203003181	5(0, 10, 10	2110490					0	150				Import
Học phần tự chọn					**6**											
1	001007	Quản trị rủi ro	Risk Management	4203001007	3(3, 0, 6)	2107437		2	3		45	0				Import
2	001058	Mạng máy tính	Computer Networks	4203001058	3(3, 0, 6)	2101435		2	3		45	0				Import
3	001207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Database Management System	4203001207	3(2, 2, 6)	2101425	003916(a)	1	3		30	30				Import
4	004076	Bán lẻ điện tử	E-Retailing	4203004076	3(2, 2, 6)	2110521		2	3		30	30				Import
5	004148	Thanh toán số	Digital Payment	4203004148	3(2, 2, 6)	2110544		2	3		30	30				Import
6	015679	Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế *	International Supply Chain Management	4203015679	3(2,2,6)	2110568		1	3		45	0				
7	015850	Công nghệ phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh	Big data Analysis Technology in Business	4203015850	3(2,2,6)	2110627		1	3		30	30				
8	015851	Phân tích, thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	Analysis and Design Business Process Management	4203015851	3(3,0,6)	2110626		1	3		45	0				

TP. HCM, ngày 21 tháng 04 năm 2026

Trưởng khoa